

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2025/HS-PT

Ngày: 15 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi

ông Phùng Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Trương Đức T** về tội “Giết người”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

TRƯƠNG ĐỨC T, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1996 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Đức A** và con bà **Phạm Thị G**; có vợ là **Lê Thị Mỹ H** (đã ly hôn) và có 01 con (đã chết); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2023 đến ngày 09/4/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa theo chỉ định: Luật sư **Phạm Thị H1 – Công ty L1**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; có mặt.

- Bị hại có liên quan đến kháng cáo: Anh **Phạm Ngọc V**, sinh năm 1998; nơi cư trú: **Khu dân cư S, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 21/11/2023, bị cáo **Nguyễn Văn H2** cùng với các anh: **Hồ Kim T1**, **Nguyễn Trần Phi B**, **Bùi Quang H3**, **Nguyễn Hồng S** và **Nguyễn Trung D** đang nhậu tại quán **H6** ở tại thị trấn **C**, huyện **B**, thì bị cáo **H2** nhận được tin bị hại **Phạm Ngọc V**, anh **Hồ Thế T2** hẹn đánh nhau với anh **Hồ Văn C** và anh **Hồ Văn T3** tại cầu **Ô** thuộc xã **B**, huyện **B** để giải quyết mâu thuẫn về tiền bạc nhưng vụ việc đã bị Công an phát hiện. Khi nghe tin, bị cáo **H2** nói lại với anh **T1** (anh **T1** là anh em họ hàng với **V**) để anh **V** không tham gia đánh nhau.

Khoảng 15 phút sau, bị hại **Phạm Ngọc V** đến quán Hẻm Nướng, đứng ngoài lề đường nói chuyện với anh **Lê Xuân K** và anh **Hồ Thế T2**. Khi nhìn thấy anh **V** đến, bị cáo **H2** ra ngoài nói với anh **V** vô quán để nói chuyện nhưng anh **V** không đồng ý nên hai bên có lời qua tiếng lại thì anh **K** xông vào dùng tay đánh bị cáo **H2** 02 cái. Bị cáo **H2** định đánh lại anh **K** nhưng anh **V** ngăn cản. Tiếp đó, anh **K** và anh **V** đòi đánh bị cáo **H2** nhưng được mọi người can ngăn. Vì bức tức chuyện anh **V1**, anh **K** đòi đánh nên bị cáo **H2** gọi điện thoại cho bị cáo **La Ty P** (là anh rể của bị cáo **H2**) rủ đánh lại anh **V**, anh **K**. Khi gọi điện thoại cho bị cáo **P** thì bị cáo **H2** kể lại sự việc và nói bị cáo **P** cầm súng ra để giúp bị cáo **H2** đánh nhau thì bị cáo **P** đồng ý và nói lại với bị cáo **H2** “chờ xíu anh chạy ra”. Sau khi nhận điện thoại của bị cáo **H2**, bị cáo **P** liền gọi điện thoại rủ bị cáo **Nguyễn Duy Q** đến tiệm xăm của bị cáo **P** để cùng đi ra huyện **B** để giúp bị cáo **H2** giải quyết mâu thuẫn của em vợ là bị cáo **H2** thì bị cáo **Q** đồng ý. Cùng lúc đó, bị cáo **P** cũng điện thoại cho bị cáo **Trương Đức T** (làm lái xe dịch vụ) nói bị cáo **T** điều khiển xe ô tô chở bị cáo **P** đi ra xã **B**, huyện **B** để giải quyết công việc, với giá 300.000 đồng thì bị cáo **T** đồng ý. Bị cáo **P** tiếp tục gọi cho bị cáo **Võ Ngọc D1** và hỏi bị cáo **D1** có rảnh không đi giải quyết công việc giúp cho bị cáo **P** thì bị cáo **D1** nói rảnh và đồng ý cùng đi.

Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, bị cáo **T** điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 76G-006.47 đến nhà bị cáo **P** để chở bị cáo **P** đi. Khi lên xe ô tô, bị cáo **P** mang theo 01 túi xách bên trong có 01 khẩu súng hơi và ngồi ở ghế trước bên phụ gần ghế tài của bị cáo **T**. Sau đó, bị cáo **T** điều khiển xe ô tô chở bị cáo **P** đến tiệm xăm của bị cáo **P** để đón bị cáo **Q**. Bị cáo **P** đi vào tiệm xăm lấy 01 cây dao (bị cáo **P** gọi là dao mèo) và đưa cho bị cáo **Q** cầm rồi cùng nhau lên xe ô tô đi ra huyện **B**. Khi đến ngã tư **H xã T, huyện S**, bị cáo **P** nói bị cáo **T** dừng xe lại để bị cáo **P** vào tiệm xăm của bị cáo **D1** rủ cùng đi đánh nhau thì bị cáo **D1** đồng ý. Sau đó, bị cáo **T** chở các bị cáo: **Phông**, **Q**, **D1** cùng đi; bị cáo **P** ngồi ghế phụ phía trước, các bị cáo **Q** và **D1** ngồi hàng ghế sau. Trên đường đi đến gần khu vực vòng xoay thuộc xã **B**, huyện **B**, bị cáo **P** mở túi đựng khẩu súng ra, lắp đạn và gắn băng đạn vào khẩu súng; do cầm khẩu súng bị vướng vào xe ô tô nên bị cáo **P** bảo bị

cáo Dư đổi chỗ ngồi; bị cáo P bỏ xuống hàng ghế phía sau ngồi, còn bị cáo Dư B1 lên lại ngồi ở ghế phụ.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/11/2023, bị cáo T điều khiển xe chạy trên Quốc lộ A đến khu vực vòng xoay thuộc xã B, huyện B thì bị cáo H2 nhìn thấy một nhóm người đứng tại đây, trong đó có 01 người thanh niên mặc áo trắng, quần trắng (đặc điểm nhận dạng người thanh niên cần đánh thì bị cáo H2 đã điện thoại nói cho bị cáo P biết trước đó) nhưng xe ô tô tiếp tục di chuyển ra trước Trường Trung học cơ sở xã B (ngoài phía Bắc vòng xoay xã B) thì gặp bị cáo H2 đứng chờ bên kia đường. Khi xe ô tô dừng lại, bị cáo H2 đi bộ sang đường gặp bị cáo P và nói lúc này bị một số thanh niên đánh trong quán nhậu, thì bị cáo P hỏi “có phải thằng mặc áo trắng, quần trắng đứng gần vòng xoay B không” thì bị cáo H2 trả lời “Đúng, nó là Tin C1”. Nghe xong, bị cáo P bảo bị cáo T quay xe chở các bị cáo: Phong, Q và D1 quay xe đi vào khu vực vòng xoay xã B, còn bị cáo H2 điều khiển xe máy chở anh Nguyễn Hồng S đi theo sau.

Khi đến nơi, bị cáo H2 dừng xe máy tại quán C2 thì thấy bị hại Phạm Ngọc V và anh Đặng Minh D2 đang ôm, xô xát với nhau còn anh Lê Xuân K đang đứng gần anh V và anh D2. Lúc đó, anh Nguyễn H4, anh Phạm Ngọc L cùng một số người khác đang đứng trên lề đường. Bị cáo H2 nói anh S đứng tại xe, còn bị cáo H2 đi bộ đến chỗ anh K và dùng tay đánh anh K, thì anh K bỏ chạy. Cùng lúc này, xe của bị cáo T chở các bị cáo: Phong, Q và D1 cũng vừa đến gần bị hại V1. Đến nơi, bị cáo D1, Q mở cửa bước xuống xe, bị cáo Q cầm 01 cây dao. Bị cáo T xuống xe và mở cửa xe ô tô cho bị cáo P bước xuống xe và cầm súng tiến đến chỗ anh Phạm Ngọc V rồi la to: “Thằng nào đánh em tao”. Nghe vậy, anh V tiến đến đối diện, cách bị cáo P khoảng 03m. Liên lúc đó, bị cáo P hai tay cầm súng đưa lên ngang ngực, nòng súng song song với mặt đường nhắm vào người anh V và bắn 03 phát đạn liên tiếp (01 phát trúng vào bụng, 02 phát không trúng). Do bị trúng đạn, anh V quay người bỏ chạy ra phía sau quán ăn của bà Lê Thị H5, thì bị cáo P đuổi theo và bắn tiếp 02 phát về phía anh V nhưng không trúng, rồi bị cáo P quay lại đứng trước quán bà H5, còn anh V đứng nép phía sau quán bà H5. Thấy vậy, bị cáo P tiếp tục cầm súng bắn tiếp 04 phát nữa về phía nơi anh V đang trốn nhưng không trúng. Sau đó, các bị cáo: Phong, Q, D1 lên xe ô tô mà bị cáo T đang đứng chờ và cùng nhau rời khỏi hiện trường. Cùng lúc này, bị cáo H2 cũng đuổi đánh anh K, nghe tiếng kêu “bắn súng”, nhìn lại thì thấy mọi người chạy tán loạn và cũng thấy xe của bị cáo P đã rời đi nên bị cáo H2 cũng rời khỏi hiện trường. Đến khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/11/2023, bị cáo P đến Phòng C3 - Công an tỉnh Q đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Sau khi bị bắn, anh Phạm Ngọc V được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Q cấp cứu, chữa trị.

* Kết quả giám định:

- Tại Bản kết luận giám định thương tích số 75/KLTTCT-TTPY ngày 07/03/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Q đối với Phạm Ngọc V:

+ Thùng ruột non 04 lỗ đã xử lý: 33%.

- + Thùng phúc mạc và mạc treo: 04%.
- + Sẹo mổ đường giữa bụng qua rốn kích thước (13 x 0,5) cm: 02%.
- + Sẹo do đạn bắn vùng bụng phải kích thước (0,8 x 0,5) cm: 01%.
- + Sẹo dẫn lưu vùng bụng trái kích thước (1 x 0,5) cm: 01%.
- + Dị vật phần mềm thành bụng sau bên trái: 01%.

Xếp tỷ lệ: 38,83%, làm tròn = 39% (ba mươi chín phần trăm). (Áp dụng phương pháp cộng tại khoản 4 Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của [Bộ Y](#)).

Cơ chế hình thành các tổn thương trên do hỏa khí gây ra trừ các sẹo do phẫu thuật (Bút lục 226-228).

- Tại Bản kết luận giám định số 318/KL-KTHS ngày 17/4/2024 của [Phòng C3 - Công an tỉnh Q](#) đối với khẩu súng và đạn do [La Ty P](#) sử dụng bắn anh [Phạm Ngọc V](#), kết luận:

+ Mẫu vật cần giám định ở mục 1.1 là khẩu súng hơi, được chế tạo, sản xuất công nghiệp, bắn được đạn cỡ 5,5mm, thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Luật số 50/2019/QH14, ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

Không đủ điều kiện thực nghiệm để xác định tầm bắn gây sát thương của khẩu súng nêu trên.

+ Mẫu cần giám định ở mục 1.2 là đạn cỡ 5,5mm, sử dụng cho súng hơi, có thể sử dụng để bắn được cho khẩu súng ở mục 1.1; không phải đạn sử dụng cho súng quân dụng; không phải vật liệu nổ.

+ Mẫu cần giám định ở mục 1.3, mục 1.4 và mục 1.5 là các mảnh kim loại có màu sắc và đặc điểm tương tự đạn sử dụng cho súng hơi, nhưng đã bị bể vỡ, móp méo, biến dạng.

+ Các mảnh kim loại ở mục 1.3, mục 1.4 và mục 1.5 đã bị bể vỡ, móp méo, biến dạng, không đủ yếu tố giám định truy nguyên súng bắn ra. (Bút lục 270-271).

- Tại Bản kết luận giám định số: 329/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của [Phòng C3 - Công an tỉnh Q](#) về dữ liệu điện tử đã thu giữ:

+ Dữ liệu bên trong 01 (Một) thẻ nhớ màu đen, có ghi chữ “BLAUPUNKT, 16GB” có chứa 92 tập tin video có tổng dung lượng là 14,2 GB. Trong 92 tập tin video không có chứa nội dung liên quan đến hành động bắn súng, đánh nhau.

+ Dữ liệu bên trong 01 USB màu đỏ, có chữ Kingston DT101 G2 có chứa 09 tập tin video có tổng dung lượng là 2,07 GB. Trong đó: có tập tin video chứa nội dung liên quan đến hành động bắn súng, đánh nhau, cụ thể: Trích xuất được

29 (hai mươi chín) hình ảnh đại diện liên quan đến nội dung vụ việc vào 01 bản ảnh. Sao chép 29 (hai mươi chín) hình ảnh, 92 tập tin video trong thẻ nhớ và 09 tập tin video trong USB vào 05 đĩa DVD.

Trích xuất dữ liệu bên trong điện thoại di động Realme, màu đỏ của **Nguyễn Văn H2**; điện thoại di động iPhone 7 Plus, màu vàng của **Võ Ngọc D1**; điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ của **Nguyễn Duy Q**; điện thoại di động OPPO, màu xanh của **Trương Đức T**; điện thoại di động iPhone, màu trắng của **Hồ Thế T2** và điện thoại di động iPhone 8 Plus, màu đỏ của **Hồ Văn T3** trong thời gian từ ngày 21/11/2023 đến ngày 22/11/2023 (bút lục 283-334).

* Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ:

- 01 (một) khẩu súng hơi dài 91cm; phần thân súng và ống ngắm bằng kim loại màu đen; phần tay cầm và áp tay cầm bằng gỗ; bên ngoài nòng súng và bán súng có quần lớp vải màu rằn ri; mặt bên phải thân súng có ký hiệu chữ ATAMAN M2; mặt bên trái thân súng có ký hiệu API6 ATAMAN.

- 01 điện thoại di động OPPO, màu xanh của **Trương Đức T**.

Và một số vật chứng khác.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Trương Đức T** phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Trương Đức T** 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án và được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2023 đến ngày 09/4/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định phần tội danh và hình phạt của 04 bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm.

[3] Kháng cáo:

Ngày 23-01-2025 bị cáo **Trương Đức T** kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và hình phạt. Nêu lý do kháng cáo là bị cáo chỉ đưa khách đi bằng một hợp đồng dân sự, với số tiền 300.000 đồng mục đích là để giải quyết công việc. Trong khi di chuyển thì bị cáo **P** có tháo lắp súng, bị cáo thấy sợ hãi, tái mặt, khủng hoảng tinh thần nên không đủ tỉnh táo xử lý tình huống; là tài xế chạy xe dịch vụ nên phải tôn trọng quyền riêng tư của khách hàng. Việc mở cửa xe cho khách xuống là trách nhiệm của tài xế xe dịch vụ, không hề tham gia các hoạt động của các bị cáo; do đoạn đường đông người nên bị cáo chỉ lo lái xe; khi xong việc lái xe thì chưa kịp khai báo đã bị Cơ quan chức năng truy bắt. Đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị xem xét lại mức hình phạt.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **T** giữ nguyên kháng cáo; bị cáo và người bào chữa trình bày ý kiến tranh luận, đề nghị xem xét lại hành vi của bị cáo không có chủ đích đưa các bị cáo khác đi đánh nhau; khi đang di chuyển thấy bị cáo **P** có súng thì rất sợ, trong tình huống đó phải tiếp tục vận chuyển chứ không thể dừng lại, là người vận chuyển dịch vụ nên phải tôn trọng khách. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hoàn cảnh rất khó khăn, gia đình có công cách mạng, mẹ là bà **Phạm Thị G** thương binh ¾, bà ngoại là Mẹ Việt Nam anh hùng, sau khi xét xử sơ thẩm có bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000 đồng và được bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung vụ án thì Bản án sơ thẩm đã xác định rõ diễn biến của vụ án, xác định hành vi và mức độ lỗi của bị cáo **T**; áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo: **Nguyễn Văn H2**, **La Ty P**, **Nguyễn Duy Q**, và **Võ Ngọc D1** phù hợp với lời khai của các bị cáo **T**, bị hại, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất về việc bị cáo **Nguyễn Văn H2** bức tức vì không đánh được bị hại **Phạm Ngọc V** và anh **Lê Xuân K** nên vào tối ngày 21/11/2023, bị cáo **H2** gọi điện thoại nhờ bị cáo **La Ty P** mang theo súng ra **huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** để giúp bị cáo **H2** giải quyết mâu thuẫn với bị hại **V1**. Sau đó, bị cáo **P** rủ thêm bị cáo **Q** và bị cáo **D1**, đồng thời thuê bị cáo **T** lái xe ô tô chở cả nhóm đi đánh nhau. Khi đi, bị cáo **P** mang theo 01 khẩu súng hơi và ngồi ghế phụ phía trước lắp đạn, gắn băng đạn vào súng và đưa cho bị cáo **Q** cầm 01 cây dao. Bị cáo **T** điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 76G-006.47 chở các bị cáo: **Phông, Q, D1** đi gặp bị cáo **H2** tại **xã B, huyện B**. Bị cáo **Nguyễn Văn H2**, mô tả đặc điểm của người bị hại **Phạm Ngọc V** mà bị cáo **H2** cần đánh. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/11/2023, bị cáo **T** điều khiển xe ô tô chở các bị cáo: **Phông, Q, D1** đi đến khu vực vòng xoay **xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** để tiến về phía bị hại. Bị cáo **Nguyễn Văn H2** điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Khi phát hiện bị hại **Phạm Ngọc V** thì bị cáo **La Ty P** yêu cầu bị cáo **T** xuống mở cửa xe ô tô để bị cáo

P cùng các bị cáo khác xuống xe. Liên lúc đó, bị cáo P dùng tay cầm súng, bắn nhiều phát đạn vào cơ thể bị hại Phạm Ngọc V, trong đó; có 01 phát bắn đầu tiên trúng vào vùng bụng gây thương tích 39%. Bị hại Phạm Ngọc V bỏ chạy và tìm nơi lẩn trốn nhưng bị cáo P vẫn đuổi theo và tiếp tục bắn thêm nhiều phát đạn về phía bị hại V. Cùng lúc này, bị cáo Nguyễn Văn H2 đuổi cũng đuổi đánh anh Lê Xuân K nhưng không gây thương tích.

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi dùng vũ khí nguy hiểm là súng bắn vào cơ thể của bị hại Phạm Ngọc V là có khả năng dẫn đến chết người nhưng vẫn cố ý cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi bị cáo La T4 Phông dùng súng bắn trúng vào người bị hại bị thương tích, bị hại đã bỏ chạy nhưng bị cáo P vẫn tiếp tục bắn nhiều phát đạn về phía người bị hại nhưng không trúng. Sau khi thực hiện hành vi, các bị cáo nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường và bỏ mặc cho hậu quả xảy ra.

Bị cáo Trương Đức T là người có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; là người có vai trò giúp sức cho bị cáo La Ty P thực hiện bắn súng vào người bị hại, bản thân bị cáo không có mâu thuẫn gì với người bị hại và ban đầu không biết mục đích bị cáo P thuê xe ô tô đi đánh nhau, nhưng trong khi điều khiển xe ô tô chở các bị cáo: Phông, Q và D1 đi ra xã B, huyện B thì bị cáo T đã biết bị cáo P mang theo 01 cây đao, 01 cây súng là để đi đánh nhau nhưng bị cáo không từ chối chở đi hoặc ngăn cản mà cũng tiếp tục điều khiển xe ô tô chở các bị cáo P, Q, D1 đến hiện trường vụ án. Tại hiện trường, bị cáo T là người trực tiếp mở cửa xe ô tô cho bị cáo P xuống xe bắn bị hại và sau khi sự việc kết thúc, bị cáo T cũng là người đứng đợi và chở các bị cáo: Phông, Q và D1 tẩu thoát khỏi hiện trường.

Trong vụ án, các bị cáo tham gia đều phải chịu chung trách nhiệm hình sự đối với hậu quả gây ra cho bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất côn đồ, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, bị cáo Trương Đức T cũng chịu chung trách nhiệm hình sự với các bị cáo khác trong vụ án với vai trò giúp sức về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kháng cáo về nội dung đề nghị xem xét lại hành vi và tội danh của bị cáo T không được chấp nhận.

[3] Xem xét về hình phạt:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo: Trương Đức T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trương Đức T được UBND xã N tặng Giấy khen, có mẹ ruột là Phạm Thị G là thương binh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo phạm tội lần đầu; thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức và được áp dụng khoản 1 Điều 54, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015; Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều

54, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo có thêm một số tình tiết mới nhưng không đáng kể và đã được bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời mức hình phạt phù hợp. Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Do không được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo **Trương Đức T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Đức T**, giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với bị cáo **Trương Đức T**.

2. Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Trương Đức T** 03 (Ba) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án và được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2023 đến ngày 09-4-2024.

3. Các nội dung còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **T** phải chịu là 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi ;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Long

